

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/DS-PT

Ngày: 02/3/2022

V/v: “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Mai Xuân Thành

Ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 210/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2021 về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 12/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1128 /2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Giang Thị Kim H. Địa chỉ: Số 53 C, TDP D 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Bùi Thị Ngọc L. Địa chỉ: Số 51 C, TDP D 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Giang Thị Kim G, sinh năm 1951. Nơi cư trú: thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Giang Thị Kim A, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Số 53 C, TDP D 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Giang Thị Kim H, sinh năm 1 965. Nơi cư trú: huyện D, tỉnh Khánh

Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Giang Thị Kim G, Giang Thị Kim A và Giang Thị Kim H: Bà Giang Thị Kim H; vắng mặt.

- Bà Giang Thị Kim H, sinh năm 1968. Nơi cư trú: số 53 C, tổ dân phố D 2, thị trấn D, huyện D; vắng mặt.

- Ông Giang Kim N, sinh năm 1958. Nơi cư trú: AUSTRAL1A.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Giang Kim N: Bà Giang Thị Kim H; có đơn xét xử vắng mặt.

- Bà Giang Kim H T, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Tổ 6, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Giang Kim Ngọc T, sinh năm 1983. Nơi cư trú: thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Ông Giang Kim T, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Tổ dân phố D 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Giang Kim H T, bà Giang Kim Ngọc T và ông Giang Kim T: Bà Bùi Thị Ngọc L; có mặt.

- Bà Nay Thị R, sinh năm 1952; ông Lê Trường S, sinh năm 1970; bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1972; bà Lê Thị Thu V, sinh năm 1972. Nơi cư trú: tỉnh Gia Lai.

- Bà Lê Thị Thu N, sinh năm 1975; ông Lê Trường L, sinh năm 1980; bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1982; bà Lê Thị T, sinh năm 1983. Nơi cư trú: tỉnh Gia Lai

Người đại diện theo ủy quyền của các ông/bà Nay Thị R, Lê Trường S, Lê Thị Thu V, Lê Thị Thu H, Lê Thị Thu N, Lê Trường L, Lê Thị Thu T, Lê Thị T: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1953. Nơi cư trú: tỉnh Khánh Hòa; có đơn xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Bùi Thị Ngọc L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Giang Thị Kim H trình bày:

Cha bà là ông Giang Kim M (chết năm 1970) và mẹ là bà Phan Thị B (chết năm 1999), ông M và bà B có 08 người con bao gồm:

1. Bà Giang Thị Kim G, sinh năm 1951
2. Ông Giang Kim T (chết năm 1978 không có vợ, con)
3. Ông Giang Kim T (chết năm 2012), ông T có vợ bà Bùi Thị Ngọc L và 03 con Giang Kim Ngọc T, Giang Kim T, Giang Kim H T.
4. Bà Giang Thị Kim A, sinh năm 1958
5. Ông Giang Kim N, sinh năm 1961

6. Bà Giang Thị Kim H, sinh năm 1963

7. Bà Giang Thị Kim H, sinh năm 1965

8. Bà Giang Thị Kim H, sinh năm 1968

Ngoài 08 người con chung, sau này bà được biết cha bà có 01 người con riêng là ông Lê Trường H (ông H chết năm 2014), vợ của ông H là bà Nay Thị R, con của ông H là các ông/bà Lê Trường S, Lê Thị Thu V, Lê Thị Thu H, Lê Thị Thu N, Lê Trường L, Lê Thị Thu T, Lê Thị T.

Khi còn sống ông M và bà B có mua lô đất của ông Lai C và bà Mai Thị S với diện tích 599m² tọa lạc tại xã D, huyện D (nay là Tổ dân phố D 2, thị trấn D, huyện D) các giấy tờ mua bán đã bị thất lạc trong chiến tranh, diện tích đo đạc thực tế khoảng 816,3m². Trên lô đất này cha, mẹ bà có xây một ngôi nhà cấp 4 hai gian. Ông M và bà B mất không để lại di chúc.

Năm 2002, ông Giang Kim T phá bỏ gian nhà trên và xây dựng nhà lầu riêng của gia đình ông. Năm 2012, ông Giang Kim T mất, gia đình bà xảy ra mâu thuẫn. Năm 2014, bà có làm đơn khiếu nại tranh chấp di sản thừa kế với vợ ông Giang Kim T là bà Bùi Thị Ngọc L. Ủy ban nhân dân thị trấn D đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Hiện nay đất của cha mẹ bà để lại do gia đình ông Giang Kim T quản lý sử dụng khoảng 256m²; diện tích còn lại khoảng 554m² do bà, bà Giang Thị Kim A, bà Giang Thị Kim H quản lý sử dụng. Do vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của cha mẹ bà để lại bao gồm đất và nhà ở trên đất theo quy định pháp luật cho các anh em trong gia đình mỗi người được hưởng kỷ phần như nhau. Trường hợp bà Bùi Thị Ngọc L muốn tiếp tục quản lý sử dụng 256m² đất do cha mẹ bà để lại thì phải thanh toán cho bà Giang Thị Kim H theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H yêu cầu xem xét công sức giữ gìn, tôn tạo di sản. Đồng thời xác định ngôi nhà cấp 4 bà H, bà A và bà H đang ở là do bà H bỏ tiền ra xây dựng trên nền đất nhà của cha mẹ để lại nên yêu cầu Tòa án xác định ngôi nhà này là tài sản riêng của bà H. Các tài sản khác trên đất không tranh chấp, chia đất rơi vào phần người nào thì người đó được hưởng.

Bị đơn bà Bùi Thị Ngọc L trình bày:

Nguồn gốc đất tại số 51 C, tổ dân phố D II, thị trấn D, huyện D là của cha mẹ chồng bà là ông Giang Kim M và bà Phan Thị B để lại, tiền xây dựng nhà là của bà và ông Giang Kim T bỏ ra. Khi bà Phan Thị B mất, vợ chồng bà quyết định ra đi và giao nhà lại cho 05 chị em gái ở. Đến ngày cúng giỗ vợ chồng bà sẽ về lo nhưng bà Giang Thị Kim G không đồng ý và muốn giao nhà trên cho vợ chồng bà xây dựng để ở và thờ cúng ông bà, cha mẹ. Khi đó bà có ý kiến là nếu đập hết toàn bộ nhà cũ và chia đều cho các anh chị em thì bà mới nhận và xây mới nhưng bà G phản đối. Do vậy, gia đình có họp và 05 chị em gái đã thỏa

thuận chỉ định ranh giới xây nhà cho vợ chồng bà, vợ chồng bà xây nhà theo đúng ranh giới đã thỏa thuận, khi xây nhà các bên không có tranh chấp, phần đất còn lại ông T chia đều cho các chị em là các bà H, H, A, H nhưng bà G tuyên bố không nhận. Khi Nhà nước có quy định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân thì bà H có đơn khiếu nại bà tới UBND thị trấn D. Tại buổi hòa giải tại UBND thị trấn, bà mới biết khi xây dựng nhà vợ chồng bà có xây phạm vào mấy chục mét đất. Bà H yêu cầu bà phải trả bằng vàng giá trị mấy chục mét đất này nhưng bà không đồng ý và không có khả năng để trả. Nay bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản do cha mẹ để lại cho các anh chị em, bà yêu cầu đất và nhà trên đất diện tích 256m² thuộc sở hữu của gia đình bà, bao gồm tất cả các miếng đan bê tông tại các mái hiên. Đối với các tài sản còn lại trên đất bị đơn không tranh chấp. Phần còn lại bà H và các chị em khác phân chia thế nào bà không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Giang Thị Kim H trình bày:

Bà thống nhất với nội dung khởi kiện của bà Giang Thị Kim H, đồng thời yêu cầu khi phân chia di sản thừa kế, bà Bùi Thị Ngọc L phải trả lại phần diện tích tại các mái hiên, miếng đan, cánh cửa sổ mà bà L đang xây lấn qua đất của bà, bà Giang Thị Kim H và bà Giang Thị Kim A đang quản lý, sử dụng.

Bà Giang Thị Kim H yêu cầu xem xét công sức giữ gìn, quản lý di sản. Đồng thời xác định ngôi nhà cấp 4 bà H, bà A và bà H đang ở là do bà H bỏ tiền ra xây dựng trên nền đất nhà của cha mẹ để lại nên không tranh chấp ngôi nhà. Các tài sản khác trên đất không tranh chấp, chia rơi vào phần người nào thì người đó được hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Giang Thị Kim G trình bày:

Bà thống nhất với nội dung khởi kiện và lời khai của bà Giang Thị Kim H, đề nghị Tòa án chia di sản do cha mẹ bà để lại theo quy định pháp luật, kỷ phần mà bà được hưởng bà đồng ý cho em gái là bà Giang Thị Kim H nhận và sở hữu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Giang Thị Kim A trình bày:

Bà thống nhất với nội dung khởi kiện và lời khai của bà Giang Thị Kim H, đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế do cha bà là ông Giang Kim M và mẹ là bà Phan Thị B để lại theo quy định của pháp luật, kỷ phần mà bà được hưởng bà đồng ý cho bà Giang Thị Kim H nhận và sở hữu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Giang Kim N trình bày:

Ông thống nhất với nội dung khởi kiện và lời khai của bà Giang Thị Kim H và đề nghị Tòa án chia di sản do cha mẹ ông để lại theo quy định pháp luật, cụ thể: Tạo một con đường để đi vào phần đất phía trong (con đường đi đã có sẵn

chiều ngang khoảng 1,7m, chiều dài khoảng 20,5m) phần diện tích đất thổ mộ và diện tích đường đi trừ ra không chia, phần còn lại được chia đều cho 07 người con mỗi người hưởng kỷ phần như nhau, kỷ phần mà ông được hưởng ông đồng ý cho bà Giang Thị Kim H nhận và sở hữu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Giang Thị Kim H trình bày:

Bà thống nhất với nội dung khởi kiện và lời khai của bà Giang Thị Kim H đề nghị Tòa án chia di sản của cha mẹ bà để lại theo quy định của pháp luật, trường hợp bà Bùi Thị Ngọc L muốn tiếp tục quản lý sử dụng diện tích 256m² đất do cha mẹ bà để lại thì phải thanh toán giá trị theo quy định pháp luật. Đối với phần di sản nếu bà được nhận hiện vật thì bà đồng ý nhường lại hiện vật cho bà Giang Thị Kim H và yêu cầu thanh toán giá trị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Giang Kim T, bà Giang Kim Ngọc T, bà Giang Kim H T đều trình bày:

Thống nhất với nội dung trình bày của bị đơn bà Bùi Thị Ngọc L và không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông/bà Nay Thị R, Lê Trường S, Lê Thị Thu V, Lê Thị Thu H, Lê Thị Thu N, Lê Trường L, Lê Thị Thu T, Lê Thị T đều ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông Lê Trường H là con riêng của ông Giang Kim M. Ông H đã chết năm 2014, vợ con của ông H là các ông/bà Nay Thị R, Lê Trường S, Lê Thị Thu V, Lê Thị Thu H, Lê Thị Thu N, Lê Trường L, Lê Thị Thu T, Lê Thị T. Nay bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông M với bà B thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu được chia di sản thì vợ con ông H xin được nhận hiện vật.

Với nội dung nêu trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 10/2021/DS-ST ngày 12/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định.

Áp dụng:

Điều 100 và Điều 103 Luật đất đai 2013;

Khoản 5 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Điều 147, Điều 157, Điều 164, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 623, Điều 649, Điều 651, Điều 660 Bộ luật Dân sự 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Giang Thị Kim H về việc “Chia di sản thừa kế” của ông Giang Kim M và bà Phan Thị B theo pháp luật:

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Giang Kim N và bà Giang Thị Kim A tặng cho bà Giang Thị Kim H phần di sản mà ông, bà được nhận;

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Giang Thị Kim G tặng cho bà Giang Thị Kim H phần tài sản thừa kế mà bà được nhận;

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Giang Thị Kim H nhường phần hiện vật cho bà Giang Thị Kim H;

- Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không tranh chấp tài sản trên đất, tài sản rơi vào phần đất người nào được chia thì người đó được quyền sở hữu, không thanh toán giá trị.

- Bà Giang Thị Kim H được nhận phần di sản thừa kế theo giá trị 462.480.000 đồng (B trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

- Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Ngọc L, bà Giang Thị Kim H, bà Giang Thị Kim A và bà Giang Thị Kim H về xem xét công sức giữ gìn, quản lý di sản.

- Buộc bà Bùi Thị Ngọc L và các con gồm Giang Kim T, Giang Kim Ngọc T, Giang Kim H T phải tháo dỡ tấm danh bê tông giáp với lô đất (theo sơ đồ bản vẽ).

2. Giao hiện vật:

- Giao cho bà Giang Thị Kim H diện tích đất 353,3m² (ký hiệu bao gồm các lô 2, lô 3 và lô 4), trên các lô đất này có 01 ngôi nhà cấp 4, 01 giếng nước, 01 nhà vệ sinh, 01 bức tường riêng nằm trên lô 3 giáp với lô 1 (mô tả theo sơ đồ bản vẽ).

- Giao cho bà Giang Thị Kim H diện tích đất 101,6m² (ký hiệu lô 5), trên đất có 01 chuồng gà (mô tả theo sơ đồ bản vẽ).

- Giao cho bà Bùi Thị Ngọc L và các con gồm Giang Kim T, Giang Kim Ngọc T, Giang Kim Hải T diện tích đất 282,5m² (ký hiệu lô 1), trên lô đất có nhà và tài sản (mô tả theo sơ đồ bản vẽ).

- Giao cho bà Nay Thị R và các ông/bà Lê Trường S, Lê Thị Thu V, Lê Thị Thu H, Lê Thị Thu N, Lê Trường L, Lê Thị Thu Tháo, Lê Thị T được nhận diện tích đất 68,1m² (ký hiệu lô 6). Trên lô đất có phần mộ 10,8m², các ông, bà được giao phần đất này được quyền trông coi, quản lý (mô tả theo sơ đồ bản vẽ).

3. Về thanh toán giá trị chênh lệch:

- Bà Bùi Thị Ngọc L và các con Giang Kim T, Giang Kim Ngọc T, Giang Kim H T thanh toán cho bà Giang Thị Kim H số tiền 462.480.000 đồng (B trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

- Bà Bùi Thị Ngọc L và Các con Giang Kim T, Giang Kim Ngọc T, Giang Kim H T thanh toán cho bà Giang Thị Kim H số tiền 318.217.000 đồng (Ba trăm mười tám triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng).

- Bà Nay Thị R và các ông/bà Lê Trường S, Lê Thị Thu V, Lê Thị Thu H, Lê Thị Thu N, Lê Trường L, Lê Thị Thu T, Lê Thị T thanh toán lại cho bà Giang Thị Kim H số tiền 151.000.000 đồng (Một trăm năm mươi một triệu sáu trăm mười nghìn đồng).

- Bà Giang Thị Kim H thanh toán lại cho bà Giang Thị Kim H số tiền 81.752.000 đồng (Tám mươi một triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 24/5/2021, bị đơn bà Bùi Thị Ngọc L có đơn kháng cáo với nội dung: Bà không đồng ý tháo dỡ các tấm đan theo bản án đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Bùi Thị Ngọc L trình bày: Bản án sơ thẩm tuyên buộc bà phải tháo dỡ tấm đan cửa sổ nhà tôi tiếp giáp với lô đất số 03 bà không đồng ý, đề nghị Tòa phúc thẩm tuyên bỏ phần tuyên này. Đối với các tấm đan cửa sổ tiếp giáp với lô đất số 02 của bà H (phần phía sau) bà không kháng cáo vì Bản án sơ thẩm không tuyên bà phải tháo dỡ, mặt khác các tấm đan phía sau này đều nằm phía dưới mái hiên nhà bà H nên không ảnh hưởng gì; bà chỉ kháng cáo phần Bản án tuyên buộc bà phải tháo dỡ tấm đan giáp với lô đất số 03 giao cho bà H, các tấm đan này (một tấm kích thước 0,3m x 2,3m tầng 1 và tầng 2); đối với các phần khác của Bản án sơ thẩm bà không kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Kháng cáo của bà Bùi Thị Ngọc L là có căn cứ, đề nghị chấp nhận kháng cáo tuyên bỏ phần tuyên buộc tháo dỡ tấm đan giáp với lô số 03 của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đã được Tòa án triệu tập phiên tòa nhiều lần nhưng vắng mặt; do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 296 BLTTDS.

[2] Xét kháng cáo của bà Bùi Thị Ngọc L, thấy: Quyết định Bản án sơ thẩm đã chia và giao di sản thừa kế bằng hiện vật là nhà và quyền sử dụng đất gồm: Giao cho bà Bùi Thị Ngọc L và các con gồm Giang Kim T, Giang Kim Ngọc T, Giang Kim Hải T diện tích đất 282,5m² (ký hiệu lô 1), trên lô đất có nhà và tài sản (mô tả theo sơ đồ bản vẽ); Giao cho bà Giang Thị Kim H diện tích đất 353,3m² (ký hiệu bao gồm các lô 2, lô 3 và lô 4), trên các lô đất này có 01 ngôi nhà cấp 4, 01 giếng nước, 01 nhà vệ sinh, 01 bức tường riêng nằm trên lô 3 giáp với lô 1 (mô tả theo sơ đồ bản vẽ). Giao cho bà Giang Thị Kim H diện tích đất 101,6m² (ký hiệu lô 5), trên đất có 01 chuồng gà (mô tả theo sơ đồ bản vẽ). Phần nhà, đất của bà L theo Bản án sơ thẩm (Lô số 1 sơ đồ bản vẽ) tiếp giáp với phần nhà, đất của bà Giang Thị Kim H (Lô số 2 + lô số 3 + Lô số 4) gồm hai phần: Phần nhà và đất bà L tiếp giáp với lô số 2 và lô số 3 của nhà và đất bà H. Đối với phần tiếp giáp lô số 2 theo hiện trạng ở tầng 1 và tầng 2 của nhà bà L có hai tấm đan cửa sổ đưa ra phần đất được giao cho bà H có diện tích 0,4m x

2,3m đối với phần này tại phiên tòa bà Bùi Thị Ngọc L xác định không kháng cáo. Đối với tấm đánh cửa sổ nhà bà L có diện tích 0,3m x 2,3m tầng 1 và tầng 2 tiếp giáp lô số 3 diện tích đất nhà bà H, phần này là con đường đi của nhà bà H theo bản vẽ hiện trạng nhà và đất thì con đường này có hiện trạng thực tế rộng 1,7m x dài 20,8m; theo quyết định Bản án sơ thẩm thì con đường này một phần (là lô số 3) có diện tích đất 1,4m x 20,8m được giao cho bà Giang Thị Kim H phần còn lại giao cho bà Bùi Thị Ngọc L; như vậy diện tích các tấm đánh cửa sổ nhà bà L đều nằm trong phần diện tích đất 0,3m x 20,8m của con đường, phần diện tích đất này đã được quyết định Bản án sơ thẩm giao cho bà L; do đó Bản án sơ thẩm tuyên buộc bà Bùi Thị Ngọc L và các con phải tháo dỡ tấm đánh bê tông giáp với lô đất số 3 (theo sơ đồ bản vẽ) là không đúng và không cần thiết vì không ảnh hưởng đến phần diện tích đất giao cho bà H. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị Ngọc L sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không tuyên buộc bà L phải tháo dỡ tấm đánh bê tông giáp với lô số 3 (bỏ phần tuyên buộc bà L và các con phải tháo dỡ tấm đánh bê tông giáp với lô đất số 3 các phần khác của bản án giữ nguyên).

[3] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận, bà Bùi Thị Ngọc L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Điều 147, Điều 157, Điều 164, Điều 227, Điều 228, Điều 266; khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 100 và Điều 103 Luật đất đai 2013;

Điều 623, Điều 649, Điều 651, Điều 660 Bộ luật Dân sự 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Bùi Thị Ngọc L sửa Bản án sơ thẩm như sau:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Giang Thị Kim H về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*” của ông Giang Kim M và bà Phan Thị B theo pháp luật:

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Giang Kim N và bà Giang Thị Kim A tặng cho bà Giang Thị Kim H phần di sản mà ông, bà được nhận;

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Giang Thị Kim G tặng cho bà Giang Thị

Kim H phân tài sản thừa kế mà bà được nhận;

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Giang Thị Kim H nhường phần hiện vật cho bà Giang Thị Kim H;

- Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không tranh chấp tài sản trên đất, tài sản rơi vào phần đất người nào được chia thì người đó được quyền sở hữu, không thanh toán giá trị.

- Bà Giang Thị Kim H được nhận phần di sản thừa kế theo giá trị 462.480.000 đồng (B trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

- Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Ngọc L, bà Giang Thị Kim H, bà Giang Thị Kim A và bà Giang Thị Kim H về xem xét công sức giữ gìn, quản lý di sản.

2. Giao hiện vật:

- Giao cho bà Giang Thị Kim H diện tích đất 353,3m² (ký hiệu bao gồm các lô 2, lô 3 và lô 4), trên các lô đất này có 01 ngôi nhà cấp 4, 01 giếng nước, 01 nhà vệ sinh, 01 bức tường riêng nằm trên lô 3 giáp với lô 1 (mô tả theo sơ đồ bản vẽ kèm theo Bản án sơ thẩm của Tòa án sơ thẩm).

- Giao cho bà Giang Thị Kim H diện tích đất 101,6m² (ký hiệu lô 5), trên đất có 01 chuồng gà (mô tả theo sơ đồ bản vẽ kèm theo Bản án sơ thẩm của Tòa án sơ thẩm).

- Giao cho bà Bùi Thị Ngọc L và các con gồm Giang Kim T, Giang Kim Ngọc T, Giang Kim Hải T diện tích đất 282,5m² (ký hiệu lô 1), trên lô đất có nhà và tài sản (mô tả theo sơ đồ bản vẽ kèm theo Bản án sơ thẩm của Tòa án sơ thẩm).

- Giao cho bà Nay Thị R và các ông/bà Lê Trường S, Lê Thị Thu V, Lê Thị Thu H, Lê Thị Thu N, Lê Trường L, Lê Thị Thu T, Lê Thị T được nhận diện tích đất 68,1m² (ký hiệu lô 6). Trên lô đất có phần mộ 10,8m² các ông, bà được giao phần đất này được quyền trông coi, quản lý (mô tả theo sơ đồ bản vẽ kèm theo Bản án sơ thẩm của Tòa án sơ thẩm).

3. Về thanh toán giá trị chênh lệch:

- Bà Bùi Thị Ngọc L và các con Giang Kim T, Giang Kim Ngọc T, Giang Kim H T thanh toán cho bà Giang Thị Kim H số tiền 462.480.000 đồng (B trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

- Bà Bùi Thị Ngọc L và các con Giang Kim T, Giang Kim Ngọc T, Giang Kim H T thanh toán cho bà Giang Thị Kim H số tiền 318.217.000 đồng (Ba trăm mười tám triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng).

- Bà Nay Thị R và các ông/bà Lê Trường S, Lê Thị Thu V, Lê Thị Thu H, Lê Thị Thu N, Lê Trường L, Lê Thị Thu T, Lê Thị T thanh toán lại cho bà Giang Thị Kim H số tiền 151.000.000 đồng (Một trăm năm mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Bà Giang Thị Kim H thanh toán lại cho bà Giang Thị Kim H số tiền 81.752.000 đồng (Tám mươi một triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Quy định: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Án phí dân sự phúc thẩm bà Bùi Thị Ngọc L không phải chịu. Hoàn trả cho bà Bùi Thị Ngọc L số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0009756 ngày 17/6/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, lưu trữ (ĐTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn